TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 24-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn

Ông Lê Văn Minh

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tuấn Anh là Thư ký Tòa án nhân huyện A, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham dự phiên tòa*:** Ông Phùng Huy Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 544/2018/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: Số x, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện A, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền số 54/UQ-NHAL ngày 23 tháng 5 năm 2018), có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1966, ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956, anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1985; đều trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, Hải Phòng. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017, và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng C, ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 12 tháng 12 năm 2007, Phòng giao dịch ngân hàng C huyện A, thành phố Hải Phòng cho vợ chồng bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), theo chương trình cho vay sinh viên, mục đích để thanh toán chi phí học tập của con bà V, ông Đang là anh Nguyễn Văn B. Việc giải ngân số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) được thực hiện vào 03 đợt cụ thể như sau: Đợt 01, ngày giải ngân, ngày 12 tháng 12 năm 2007, số tiền giải ngân 8.000.000đ (tám triệu đồng); đợt 02, ngày giải ngân ngày 09 tháng 10 năm 2008, số tiền giải ngân 4.000.000đ (bốn triệu đồng); đợt 03, ngày giải ngân, ngày 03 tháng 4 năm 2009, số tiền giải ngân 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Thời hạn vay 72 (bảy mươi hai) tháng kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2007 đến ngày 18 tháng 11 năm 2013. Lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn 0,65% tháng. Đến thời hạn trả nợ (ngày 18 tháng 11 năm 2013), phía ngân hàng đã đôn đốc yêu cầu vợ chồng bà V, ông Đang trả nợ, nhưng vợ chồng bà V, ông Đang không thực hiện việc trả nợ, không đề nghị xin gia hạn theo yêu cầu của ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn và ngày 28 tháng 11 năm 2017, đã có đơn khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện A, yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ cùng anh Nguyễn Văn B phải trả khoản nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận cho ngân hàng. Ngày 18 tháng 3 năm 2018 bà V, ông Đang trả ngân hàng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền gốc, tính đến ngày xét xử (ngày 24 tháng 5 năm 2018) còn nợ ngân hàng khoản tiền nợ gốc là 15.000.000đ (mười sáu triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 823.334đ (tám trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng), nợ lãi quá hạn là 5.718.050đ (năm triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm năm mươi đồng), tổng khoản nợ là 21.541.384đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), phía ngân hàng yêu cầu bà V, ông Đang phải thanh toán khoản tiền này.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn ngân hàng C rút yêu cầu trả nợ đối với anh Nguyễn Văn B.

Bị đơn bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ngân hàng, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là Ngân hàng C có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà Phạm Thị V, ông

Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quvền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn B không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, không có lý do, là đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của các điều 70, 72 cùa Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết: Buộc bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 24 tháng 5 năm 2018, là 6.541.384đ (sáu triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), trong đó lãi trong hạn là 823.334đ (tám trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng), lãi quá hạn là 5.718.050đ (năm triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm năm mươi đồng). Tổng số tiền bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán trả ngân hàng là 21.541.384đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi tư đồng); đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả nợ của anh Nguyễn Văn B; về án phí buộc bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị V, anh Nguyễn Văn B: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị V, ang Nguyễn Văn Binh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị V, anh Nguyễn Văn B.

Về việc rút yều cầu của Ngân hàng C đối với trách nhiệm trả nợ của anh Nguyễn Văn B. Xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu của Ngân hàng C:

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng:

Việc bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ ngày 12 tháng 12 năm 2007, thỏa thuận vay Ngân hàng C với số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 0,65%/tháng, hợp đồng tín dụng có chữ ký của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị V, phía ngân hàng đã giải ngân cho ông Đang, bà V số tiền này bằng các phiếu chi ngày 12 tháng 12 năm 2007 với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), ngày 09 tháng 10 năm 2008, số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), ngày 03 tháng 4 năm 2009, số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Bà Phạm Thị V là người ký nhận các số tiền này, thể hiện tại các bút lục 15, 16, 17. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay có nội dung "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*"; tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 09 năm 2007, của Thủ tướng Chính phủ có nội dung *"Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ ngân hàng C..."*. Theo thỏa thuận trong sổ vay vốn của Ngân hàng và bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ thì ngày 18 tháng 11 năm 2013, bà V, ông Đang phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho phía Ngân hàng, nhưng phía bà V, ông Đang đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ như thỏa thuận. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà V, ông Đang trả nợ, nhưng không được thực hiện, bà V, ông Đang chị trả được ngân hàng số tiền nợ gốc 1.000.000đ (một triệu đồng) vào ngày 18 tháng 3 năm 2018. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của vợ chồng bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ. Vì vậy yêu cầu trả nợ của Ngân hàng C đối với bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ với số tiền gốc 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng có nội dung: *"1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất chậm trả, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ngày 12 tháng 12 năm 2007, giữa ngân hàng và vợ chồng bà V, ông Đang và lãi suất này tính đến ngày 24 tháng 5 năm 2018, lãi trong hạn là 823.334đ (tám trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi

tư đồng), lãi quá hạn là 5.718.050đ (năm triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm năm mươi đồng) được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 281, các điều 290, 336, 338, 343, 344, 355, 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc vợ chồng bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 21.541.384đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), khoản tiền lãi theo thỏa thuận tính đến ngày xét xử (ngày 24 tháng 5 năm 2018), là 6.541.384đ (sáu triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi tư nghìn), gồm lãi trong hạn là 823.334đ (tám trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng), lãi quá hạn là 5.718.050đ (năm triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm năm mươi đồng).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng C đối với trách nhiệm trả nợ của anh Nguyễn Văn B về khoản nợ bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ thỏa thuận vay ngân hàng ngày 12 tháng 12 năm 2007, với số tiền vay 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), theo chương trình cho vay sinh viên, để thanh toán chi phí học tập của anh Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.077.069đ (một triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi chín đồng).

Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự được sử đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận :
- TAND TP Hải Phòng;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- Chi cục THA DS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Duy Việt